

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11-5-2023

“Về việc: Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh; bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tú Q, sinh năm 1990; có mặt

Nơi cư trú: Thôn 7, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện ở tại: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Trần Trung T, sinh năm 1977; có mặt

Địa chỉ: Thôn 7, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị Tú Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bản thân tôi trước khi tiến tới hôn nhân với anh Trần Trung T thì đã có gia đình nhưng đã ly hôn vào năm 2016. Sau khi ly hôn tôi và anh Trần Trung T có tìm hiểu nhau, sau một thời gian thì chúng tôi quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn lần 2 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K vào ngày 12/02/2020 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng ở riêng và chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến tháng 10 năm 2022 thì về sống chung cùng với mẹ chồng là bà Phan Thị Th ở tại Thôn 7, xã H. Khi về sống chung cùng với mẹ chồng thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn giữa mẹ chồng

nàng dâu với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau. Khi về sống chung thì thời gian này anh Trần Trung T đi làm ăn xa, không có ở nhà, anh T có biết mâu thuẫn giữa tôi và mẹ anh T nhưng anh T không hóa giải được mâu thuẫn giữa tôi và mẹ anh T. Đã vậy, giữa chúng tôi cũng đã xảy ra mâu thuẫn nhau. Bản thân anh T cũng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn giữa chúng tôi. Đến đầu tháng 11 năm 2022 thì tôi không ở chung với mẹ chồng nữa và tôi cũng đã sống ly thân với anh T từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa.

Hiện nhận thấy mâu thuẫn giữa chúng tôi đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã không còn cơ hội để quay về đoàn tụ. Vì vậy, tôi đã làm đơn ly hôn. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi với anh Trần Trung T được ly hôn.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống giữa chúng tôi không có con chung. Nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng*: Do không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi không có tài sản chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chúng tôi không có nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

* *Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trần Trung T trình bày*:

Bản thân tôi cũng đã có gia đình nhưng đã ly hôn vào năm 2014. Sau khi ly hôn thì tôi có tìm hiểu chị Trần Thị Tú Q, chị Q là người cũng đã có gia đình và đã ly hôn vào năm 2016. Sau khi tìm hiểu một thời gian thì tôi và chị Q tiến tới hôn nhân. Chúng tôi đã đăng ký kết hôn lần 2 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K vào ngày 12/02/2020 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75. Trong quá trình chung sống, giữa chúng tôi chưa có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Tôi không hiểu nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ đâu, tuy nhiên trước đây tôi đi làm ăn xa, còn chị Q ở nhà sống cùng với mẹ tôi là bà Phan Thị Th. Trong quá trình chị Q và mẹ tôi sống chung với nhau do tính tình mẹ chồng nàng dâu không hợp nên cả hai có xảy ra mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu xảy ra thì chị Q có liên lạc qua điện thoại cho tôi để yêu cầu tôi hóa giải mâu thuẫn cho cả hai nhưng tôi chưa có biện pháp để hóa giải mâu thuẫn cho cả hai được, lúc này giữa tôi với chị Q cũng đã có lời qua tiếng lại to tiếng với nhau qua điện thoại. Sau đó thì chị Q đã dọn ra ngoài sống riêng không ở chung cùng với mẹ tôi nữa, thời gian chị Q dọn ra ngoài sống riêng là đầu tháng 11 năm 2022 đến nay. Khi dọn ra ở riêng, chị Q cũng yêu cầu tôi ra ở riêng nhưng tôi không đồng ý. Do đó, việc mâu thuẫn mà chị Trần Thị Tú Q nêu ở trên là đúng. Nay chị Trần Thị Tú Q làm đơn xin ly hôn với tôi thì tôi hoàn toàn không đồng ý. Đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ vì mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, bản thân tôi vẫn còn rất thương yêu chị Q. Do không đồng ý ly hôn nên các vấn đề về tài sản chung, về nợ chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bản thân tôi và chị Q chưa có con chung. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, công khai chứng cứ, hòa giải về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào Điều 203, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

* *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

* *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Trần Thị Tú Q được ly hôn với anh Trần Trung T.

- *Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung:* Chị Trần Thị Tú Q, anh Trần Trung T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Anh Trần Trung T có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Trần Thị Tú Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Trần Thị Tú Q được ly hôn với anh Trần Trung T. Nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung khởi kiện: Chị Trần Thị Tú Q làm đơn xin được ly hôn với anh Trần Trung T. Hội đồng xét xử thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Qua các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp có trong hồ sơ cùng tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập thể hiện: Chị Trần Thị Tú Q và anh Trần Trung T đều đã có gia đình nhưng cả hai đều đã ly hôn. Sau đó các bên tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn lần 2 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K vào ngày 12/02/2020 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa chị Trần Thị Tú Q và anh Trần Trung T là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chị Q - anh T ở riêng và chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 10 năm 2022 thì anh chị về sống chung cùng với mẹ đẻ của anh T là bà Phan Thị Th ở tại Thôn 7, xã H. Khi về sống chung

cùng với mẹ chồng thì giữa chị Q và bà Th bắt đầu xảy ra mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau.

Làm việc tại Tòa án, anh T thừa nhận là: “Trong quá trình chị Q và mẹ anh sống chung với nhau do tính tình mẹ chồng nàng dâu không hợp nên có xảy ra mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu xảy ra thì anh đi làm ăn xa, không có ở nhà nên chị Q có liên lạc qua điện thoại cho anh đề yêu cầu anh hóa giải mâu thuẫn giữa chị Q và mẹ anh nhưng anh chưa có biện pháp để hóa giải mâu thuẫn cho cả hai được, lúc này giữa anh với chị Q cũng đã có lời qua tiếng lại to tiếng với nhau qua điện thoại. Sau đó thì chị Q đã dọn ra ngoài sống riêng không ở chung cùng với mẹ anh nữa, thời gian chị Q dọn ra ngoài sống riêng là đầu tháng 11 năm 2022 đến nay. Khi dọn ra ở riêng, chị Q cũng yêu cầu anh T ra ở riêng nhưng anh T không đồng ý”. Do đó, việc mâu thuẫn mà chị Q nêu là đúng. Theo biên bản xác minh ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại chính quyền địa phương xã H (BL 28) thể hiện: “..sau khi cưới nhau, ông T đi làm ăn xa nhà, chị Q và con riêng ở với mẹ đẻ của anh T tại thôn 7, xã H, huyện K. Trong quá trình chung sống thì mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu phát sinh. Do anh T không khéo hòa giải nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến khoảng tháng 11/2022 thì chị Q đã dọn ra nhà trọ sống ly thân cho đến nay ...”. Tại phiên tòa chị Q vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh T, còn anh T vẫn không đồng ý ly hôn tuy nhiên anh T không có biện pháp nào để chị Q quay về đoàn tụ cũng như hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa chị với anh.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa chị Q với anh T và theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống, cũng như lời trình bày của chị Q và anh T trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn giữa chị Q và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị Tú Q yêu cầu xin được ly hôn đối với anh Trần Trung T là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Tú Q. Chị Trần Thị Tú Q được ly hôn với anh Trần Trung T.

- *Về con chung*: Giữa chị Trần Thị Tú Q với anh Trần Trung T không có con chung nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: đương sự thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Tú Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tú Q được ly hôn với anh Trần Trung T.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.
4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Tú Q phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị Tú Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0016817 ngày 21 tháng 02 năm 2023.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Huỳnh Lê Thị Thu Hiền

Phan Thị Dương Thanh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 15 phút ngày 11 tháng 5 năm 2023

Tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh và bà Lê Thị Thu Hiền

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 57/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, về việc “*Ly hôn*” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Tú Q, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Thôn 7, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện ở tại: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn*: Anh Trần Trung T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn 7, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

* Về Điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

(Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý = 100%)

* Các Quyết định của Hội đồng xét xử:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tú Q được ly hôn với anh Trần Trung T.
(Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý = 100%)
2. Về con chung: Không có.
(Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý = 100%)
3. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.
(Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý = 100%)
4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Tú Q phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị Tú Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0016817 ngày 21 tháng 02 năm 2023.
(Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý = 100%)
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Biên bản lập xong hồi 09 giờ 25 phút cùng ngày, đã thông qua tại phòng nghị án và đều nhất trí ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Huỳnh Lê Thị Thu Hiền

Phan Thị Dương Thanh